TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN **TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 4 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN YÊN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Việt Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vương Thị Thu Lan

Ông Phạm Thanh Châu Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiếu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lộc Hồng Điệp - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lò Thị H, sinh năm 1995

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện V, tỉnh Yên Bái, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/4/2021, bản tự khai ngày 17/7/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lò Thị H trình bầy: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn Q ngày 14/11/2012, đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái, vợ chồng kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn L, xã A, huyện V, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q thiếu trách nhiệm với gia đình, không tu trí làm ăn, thường xuyên bài bạc dẫn đến bán hết đồ đạc trong nhà ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, chị H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh Q không nghe, từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm đối với anh Q không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị và anh Q có hai người con chung là Hoàng Thị D sinh ngày 17/8/2013 và Hoàng Thị N, sinh ngày 30/10/2015. Nay vợ chồng ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai người con và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn Q đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần để anh Q thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình như: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do chính đáng và không gửi văn bản cho Tòa án nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền thụ lý vụ án tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc xác minh, thu thập, giao nhận chứng cứ đúng quy định từ các điều 93 đến 98 Bộ luật Tố tụng dân sự; trình tự thụ lý, giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại các điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự; việc lập hồ sơ vụ án đúng quy định tại Điều 198 Bộ luật Tố tụng dân sự; thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định tại điểm a khoản 1, và khoản 3 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng quy định tại Điều 220, khoản 1 Điều 227 và Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

+ Đối với nguyên đơn, chị Lò Thị H đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Đối với bị đơn, anh Hoàng Văn Q đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng liên quan đến vụ án nhưng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định tại các điều 70, 72, 199 của Bộ luật Tố tụng dân sự gây khó khăn cho Tòa án trong việc giải quyết vụ án, trong việc thu thập chứng cứ và hòa giải.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về Quan hệ hôn nhân, chị LòThị H được ly hôn anh Hoàng Văn Q; về con chung, giao hai người con là Hoàng Thị D, sinh ngày 17/8/2013 và Hoàng Thị N, sinh ngày 30/10/2015 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền thăm nom con, không ai được ngăn cản.

- Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Lò Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn Q và yêu cầu giải quyết việc nuôi con. Đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Yên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Văn Q đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Q đều vắng mặt, nên vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử, tại phiên tòa ngày 29/3/2022 và ngày hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng anh Q đều vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị H và anh Hoàng Văn Q kết hôn ngày 14/11/2012, đăng ký tại UBND xã P, huyện V, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu. Tại thời điểm kết hôn chị H, anh Q đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q không quan tâm đến gia đình, chị H đã nhiều lần tham gia khuyên bảo nhưng anh Q không thay đổi. Từ năm 2019 đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người ở một nơi, không quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã nhiều lần thông báo hòa giải, triệu tập anh Q đến Tòa án để giải quyết việc chị H xin ly hôn nhưng anh Q đều không đến. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn anh Q.

Về con chung: Chị H và anh Q có hai người con chung là Hoàng Thị D, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2013 và Hoàng Thị N, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2015, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con. Hiện tại cả hai người con đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Q đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều không đến Tòa án và không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị Hương và hiện tại anh Q không có mặt tại địa phương, bản thân chị H có đủ điều kiện, khả năng nuôi con. Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến nguyện vọng của cháu Hoàng Thị D, cháu D có nguyện vọng mong muốn được ở với chị H. Xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị Hương là chính đáng và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, giao cả hai người con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lò Thị H được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

2. Về nuôi con chung:

Giao hai người con là Hoàng D sinh ngày 17 tháng 8 năm 2013 và Hoàng Thị N sinh ngày 30 tháng 10 năm 2015 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng;

Anh Hoàng Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị Lò Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0005574 ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái, chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Lò Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; anh Hoàng Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Văn Yên;
- Chi cục THADS huyện Văn Yên;
- UBND xã Phong Dụ Thượng, huyện Văn Yên
- Chị H;
- Anh Q;
- Lưu hồ sơ vụ án, TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Việt Hà